

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIẾN XƯƠNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 08-7-2021  
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia  
đình.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Thái.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đoàn Thị Duyên; bà Vũ Thị Hoàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Lê Huy Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2021/TLST-HNGĐ ngày 27/4/2021 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Trần Thị M, sinh năm 1989

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Thái Bình.

**- Bị đơn:** Anh Phí Thanh T, sinh năm 1984

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn A, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Trần Thị M trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Phí Thanh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 27/10/2020 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng gia đình anh T tại thôn A, xã B, huyện K. Vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do tính cách không hòa hợp. Cuối tháng 12/2020, do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn N, xã Đ, huyện K sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phí Thanh T.

Chị và anh T không có con chung.

Chị và anh T tự phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay.

\*) Đại diện chính quyền địa phương nơi anh Phí Thanh T cư trú cung cấp nội dung như sau:

Chị Trần Thị M và anh Phí Thanh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K theo quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng gia đình anh T tại thôn A, xã B, huyện K. Quá trình chung sống, chị M và anh T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do đâu thì địa phương không nắm được. Chị M và anh T sống cùng nhau được khoảng 02 tháng thì chị M về nhà bố mẹ đẻ tại xã Đ, huyện K sinh sống, vợ chồng ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Chị M xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị M và anh T không có con chung.

Về tài sản chung của chị M và anh T địa phương không nắm được, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

\*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và

Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

- + Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Phí Thanh T.
- + Về nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.
- + Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.
- + Chị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.
- + Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Phí Thanh T không trình bày lời khai, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn là chị Trần Thị M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Trần Thị M và anh Phí Thanh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do tính cách không hòa hợp. Đến cuối tháng 12/2020, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị M đã về nhà bố mẹ để sinh sống, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay, mỗi người sống một nơi và không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh T không có mặt tại phiên hòa giải thể hiện việc anh không có thiện chí để đoàn tụ với chị M. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị M và anh T là có thật và ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Phí Thanh T là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị M và anh T không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị M và anh T không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Phí Thanh T.

2. Về nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị M đã nộp tạm ứng lệ phí, án phí tại biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0001406 ngày 27/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình thành án phí.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Đương sự;
- UBND xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

**Nguyễn Hồng Thái**